TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 18/2024/DS-ST
Ngày: 19 - 02 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp cầm cố tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tăng Hoàng Đa

2. Ông Lý Văn Til

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 313/2023/TLST - DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty S
Địa chỉ: Số ABC ND, phường BT, thành phố V, tỉnh Nghệ An.
Người đại diện theo pháp luật: Ông P– Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1997
Địa chỉ: Số XYZ, đường K/L, phường HL, quận NK, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Đào Thanh H, sinh năm 1987
Địa chỉ: Ấp TTB, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày

16/7/2022 bà Đào Thanh H ký hợp đồng cầm cố tài sản với công ty S – chi nhánh TN để cầm cố 01 xe máy biển số 65H1-276.21, loại xe Honda Vision 110CC, màu vàng nâu; số khung RLHJF818GY376776; số máy JF66E-0365137; giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 018018 do công an Cần Thơ cấp ngày 02/01/2018. Số tiền cầm cố tài sản là 12.000.000 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng; Gốc, lãi, phí phải trả hàng tháng vào ngày 16 dương lịch. Lãi suất thỏa thuận 1,1%/tháng; Phí mượn xe 2,1%/tháng; Phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày đến hạn 16/8/2022.

Tính đến ngày 14/12/2023 bà Đào Thanh H chỉ thanh toán cho Công ty số tiền 8.300.000 đồng (tiền gốc 4.723.886 đồng, lãi 782.683 đồng, phí quản lý hồ sơ 355.765 đồng; phí mượn xe 2.437.666 đồng). Nay Công ty S – chi nhánh TN yêu cầu bà Đào Thanh H thanh toán số tiền tính đến ngày 19/02/2024 là 9.072.110 đồng (tiền nợ gốc 7.276.114 đồng; lãi trong hạn 936.436 đồng; lãi quá hạn 859.560 đồng). Ngoài ra bà H còn phải tiếp tục chịu lãi suất và phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký, kể từ ngày 20/02/2024 đến khi thanh toán hết nợ. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định không yêu cầu bà H giao lại xe đã cầm cố, chỉ yêu cầu bà H thành toán tiền như trên.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty S khởi kiện yêu cầu giải quyết "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" với bị đơn bà Đào Thanh H có nơi cư trú tại ấp TTB, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, hợp đồng cầm cố và phụ lục hợp đồng cầm cố số OMM220701 007 NA18X ngày 16/7/2022 và giấy mượn xe ngày 16/7/2022 giữa bà Đào Thanh H với Công ty S – Chi nhánh tn. Đủ căn cứ xác định bà Đào Thanh H cầm cố cho Công ty S – Chi nhánh TN01 xe Honda biển kiểm soát 65H1-276.21, số khung RLHJF5818GY376776, số máy JF66E-0365137. Thời hạn cầm cố 12 tháng (16/7/2022-16/7/2023). Số tiền cầm cố 12.000.000 đồng, lãi suất 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phí quản lý hồ sơ 0,5%/ tháng. Phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 252.000 đồng/ tháng. Phí thu hồi, xử lý tài sản cầm cố 1.000.000 đồng.

Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, sau khi ký hợp đồng cầm cố tài sản thì bà Đào Thanh H đã ký giấy mượn lại xe nêu trên và sử dụng cho đến nay. Tính đến thời điểm khởi kiện thì hợp đồng cầm cố và mượn lại xe đã quá thời hạn thỏa thuận. Bà Đào Thanh H chỉ thanh toán được số tiền 8.300.000 đồng (tiền gốc 4.723.886 đồng, lãi 782.683 đồng, phí quản lý hồ sơ 355.765 đồng; phí mượn xe 2.437.666 đồng, tính đến ngày 14/12/2023. Nay Công ty S yêu cầu bà Đào Thanh H thanh toán số tiền tính đến ngày 19/02/2024 là 9.072.110 đồng (tiền nợ gốc 7.276.114 đồng; lãi trong hạn 936.436 đồng; lãi quá hạn 859.560 đồng). Ngoài ra bà H còn phải tiếp tục chịu lãi suất và phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký, kể từ ngày 20/02/2024 đến khi thanh toán hết nợ. Công ty không yêu cầu bà H giao lại xe đã cầm cố. Yêu cầu của công ty S là có căn cứ chấp nhận.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 403 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S. Buộc bà Đào Thanh H phải trả cho Công ty S số tiền 9.072.110 đồng (tiền nợ gốc 7.276.114 đồng; lãi trong hạn 936.436 đồng; lãi quá hạn 859.560 đồng).

Kể từ ngày 20/02/2024 bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thanh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 453.605 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL. Công ty S không phải nộp. Đại diện Công ty S đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thụ tiền số 0007292 ngày 06/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL được nhận lại đủ.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện TL;
- TAND TPCT;
- Cơ quan THA huyện TL;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Diễm